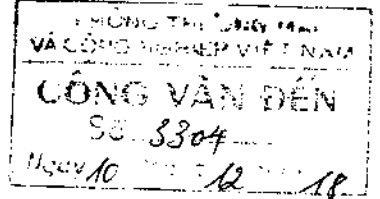


BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15111/BTC-TCDN
V/v kiến nghị của Công ty Luật Thế kỷ XXI

Hà Nội, ngày 5 tháng 12 năm 2018



Kính gửi: Công ty Luật Thế kỷ XXI

Trả lời công văn số CV/08/2018/TV ngày 16/10/2018 của Công ty Luật Thế kỷ XXI, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Quy định của pháp luật có liên quan:

1. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội quy định:

- Khoản 8 Điều 4: “Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

- Khoản 8 Điều 7 quy định quyền của doanh nghiệp gồm: “Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp”.

- Điều 36 quy định về chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn như sau: “Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty...”

Xét về cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì:

+ Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý với loại hình công ty TNHH một thành viên theo một trong hai mô hình quy định tại khoản 1 Điều 78 Luật Doanh nghiệp năm 2014 (Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng thành viên).

+ Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 100% vốn điều lệ: Việc tổ chức, quản lý doanh nghiệp thực hiện theo quy định đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần (khoản 2 Điều 88). Theo đó, đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước thì Nhà nước với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn như các cổ đông, thành viên góp vốn khác.

2. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội quy định tại khoản 3, khoản 8 Điều 3:

“3. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp là việc nhà nước sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước hoặc vốn từ các quỹ do nhà nước quản lý để đầu tư vào doanh nghiệp.

8. Vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm vốn từ ngân sách nhà nước, vốn tiếp nhận có nguồn từ ngân sách nhà nước; vốn từ quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp, quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và vốn khác được nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.”

*VR Tổng hợp -
Bant+V+Đtao*

M.QUỐC
10/12/18

3. Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định:

- Khoản 2 Điều 2:

"2. Doanh nghiệp nhà nước bao gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ."

- Khoản 5, khoản 6 Điều 4:

"5. Vốn của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác là vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do cơ quan đại diện chủ sở hữu làm chủ sở hữu phần vốn góp.


6. Vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư ra ngoài doanh nghiệp là vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật."

II. Căn cứ các quy định nêu trên và nội dung công văn số CV/08/2018/TV ngày 16/10/2018 của Công ty Luật Thế kỷ XXI thì:


- Phần vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty cổ phần B, Nhà nước nắm giữ 97,88% vốn điều lệ đã trở thành tài sản được xác lập quyền sở hữu của công ty cổ phần, công ty cổ phần có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt cho mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

- Việc Công ty cổ phần B đầu tư vào Công ty cổ phần A (do Công ty B nắm giữ 51% vốn điều lệ) là việc đầu tư vốn của công ty cổ phần này vào công ty cổ phần khác. Phần vốn của Công ty cổ phần B sử dụng để đầu tư vào các công ty khác bao gồm vốn nhà nước đầu tư vào Công ty cổ phần B, vốn của các cổ đông khác, vốn vay, vốn huy động... Do đó, không thể xác định được tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty cổ phần A. Tuy nhiên, căn cứ vào lợi ích của chủ sở hữu tại công ty cổ phần có thể thấy lợi ích của cổ đông là Nhà nước là khá lớn khi nắm giữ 97,88% cổ phần tại Công ty cổ phần B. Trong khi Công ty cổ phần B lại đang nắm giữ 51% vốn điều lệ tại Công ty cổ phần A. Vì vậy, khi xem xét các vấn đề liên quan đến tài chính tại Công ty cổ phần A cần chú ý đến lợi ích của cổ đông Nhà nước thông qua lợi ích của Công ty cổ phần B là doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước.

Bộ Tài chính trả lời Công ty Luật Thế kỷ XXI./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- VPCP (để công khai công thông tin điện tử);
- Phòng TM&CNVN (để tổng hợp);
- Lưu: VT, Cục TCDN. (10)

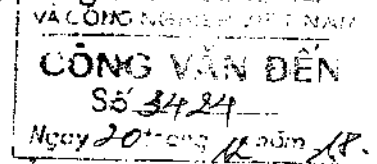

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG
CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



PHẠM VĂN ĐỨC

Số: 15471/BTC-ĐT
V/v kiến nghị của ông Trần Bá Tấn -
Công ty Phát triển và Khai thác hạ
tầng khu công nghiệp Nam Định

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2018



V.P. Tổng hợp

Kính gửi: Ông Trần Bá Tấn - Công ty Phát triển và Khai thác hạ tầng
khu công nghiệp Nam Định;

M. Khoa

20/12/18

Trả lời kiến nghị của Ông Trần Bá Tấn - Công ty Phát triển và Khai thác
hạ tầng khu công nghiệp Nam Định (kèm theo công văn số 11509/VPCP-
ĐMDN ngày 26/11/2018 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Tài chính có ý kiến
như sau:

1. Quy định về tạm ứng và thu hồi tạm ứng hợp đồng xây dựng:

Tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của
Bộ Xây dựng quy định: *Phương pháp tính toán thu hồi dần tiền tạm ứng do
các bên thỏa thuận trong hợp đồng đảm bảo các nguyên tắc. Việc tính toán,
thu hồi dần tiền tạm ứng được thực hiện sau khi bên nhận thầu được tiền tạm
ứng và thu hồi trong các lần thanh toán; Tiền tạm ứng được thu hồi hết khi
thanh toán đạt 80% giá trị hợp đồng đã ký; Đảm bảo phù hợp với hồ sơ hợp
đồng thi công. Đồng thời, theo mẫu hợp đồng thi công xây dựng công trình ban
hành kèm theo Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây
dựng đã quy định: *Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các
lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định trong
phụ lục hợp đồng.**

Về tạm ứng vốn đầu tư, tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 08/2016/TT-
BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn
đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy định: *"Việc tạm ứng vốn
của chủ đầu tư cho nhà thầu hoặc nhà cung cấp cho các công việc cần thiết để
triển khai thực hiện hợp đồng hoặc các công việc không thông qua hợp đồng.
Mức vốn tạm ứng, thời điểm tạm ứng và việc thu hồi tạm ứng do chủ đầu tư
thống nhất với nhà thầu theo đúng quy định và phải được quy định rõ trong
hợp đồng. Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn
thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần do chủ đầu tư thống nhất với nhà
thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị
thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng.*

Hiện nay, một số nội dung về tạm ứng vốn của Thông tư số 08/2016/TT-
BTC ngày 18/3/2018 nêu trên đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số
52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và Thông tư số
108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính (có hiệu lực từ ngày
10/7/2018). Tuy nhiên, do trong nội dung câu hỏi của Ông Trần Bá Tấn chưa

nói rõ thời điểm ký hợp đồng, vì vậy trường hợp hợp đồng đã ký và đang thực hiện trước ngày Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính có hiệu lực, đồng thời trong hợp đồng đã quy định cụ thể tỷ lệ thu hồi tạm ứng từng lần thanh toán thì Kho bạc nhà nước căn cứ vào các điều khoản trong hợp đồng thực hiện thu hồi tạm ứng theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016. Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý hợp đồng xây dựng.

2. Thực tế xử lý khoản tạm ứng của Công ty Phát triển và khai thác hạ tầng KCN Nam Định:

Theo báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh Nam Định, mặc dù có trao đổi với đơn vị như trên nhưng căn cứ quy định của Bộ Tài chính về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, ngày 16/11/2018 Kho bạc nhà nước tỉnh Nam Định đã tạm ứng cho nhà thầu theo đúng đề nghị của chủ đầu tư số tiền là 4.309.100.000 đồng.

Bộ Tài chính xin trả lời để Ông Trần Bá Tấn biết và triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- VCCI;
- Lưu: VT, Vụ ĐT. (12)

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VI TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



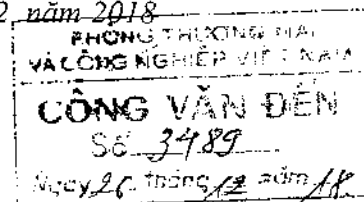
Mai Thị Thùy Dương

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16113/BTC-QLKT
V/v vốn hóa chi phí lãi vay

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2018



Kính gửi: Công ty cổ phần AV Healthcare

- VP tổng hợp.
- Ban HV & Dtao
- Bizic.

Ngày 5/12/2018, Bộ Tài chính nhận được công văn số 11686/VPCP-DMDN ngày 30/11/2018 của Văn phòng Chính phủ đề nghị hướng dẫn vốn hóa chi phí lãi vay khi thuê đất trong khu công nghiệp để xây dựng nhà máy và mua sắm máy móc, thiết bị tại Quý Công ty. Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Nguyen
26/12/18

Nội dung về việc vốn hóa chi phí lãi vay khi đầu tư xây dựng hoặc mua sắm máy móc, thiết bị đã được quy định tại các văn bản sau đây:

(1) Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

(2) Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16- Chi phí đi vay, ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ - BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

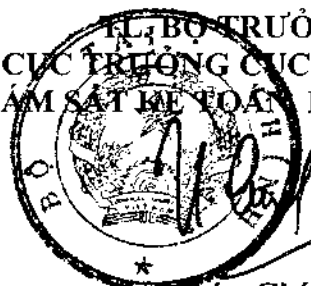
Căn cứ vào các quy định nêu trên, đề nghị Quý Công ty ghi sổ kế toán, lập và trình bày BCTC phù hợp với thực tế nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Quý Công ty nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Văn phòng Chính phủ;
- VCCI;
- Lưu VT, Cục QLKT (8b)

TL, BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ
GIÁM SÁT KẾ TOÁN KIỂM TOÁN



Vũ Đức Chính

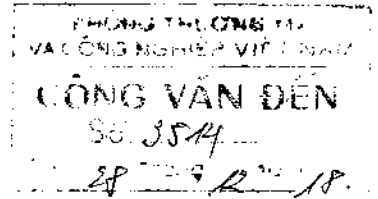
**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5366 /TCT-KK

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2018

V/v trả lời vướng mắc của Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh kèm công văn số 11057/VPCP-ĐMDN ngày 14/11/2018 của Văn phòng Chính phủ



Kính gửi: Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh

(Địa chỉ: Phòng 612 Campus 08, Lầu 6, Số 02 Đường Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 11057/VPCP-ĐMDN ngày 14/11/2018 của Văn phòng Chính phủ liên quan đến kiến nghị của Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH12 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính; Nghị định số 156/2016/NĐ-CP ngày 21/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23/02/2007 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 2, Điều 5, Điều 6 và Điều 15 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;

— VP/tổng hợp.

— Ban HN, VĐTĐ

Nguyễn

28/12/18

Căn cứ hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân;

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh là người nộp thuế theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và là đối tượng phải đăng ký thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều 24 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính nêu trên thì được đăng ký và thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (trong đó có thủ tục kê khai, nộp thuế điện tử). Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo hướng dẫn tại Điều 15 Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 của Bộ Tài chính nêu trên. Việc đăng ký, sử dụng chữ ký số và chứng thư số, Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định của Luật giao dịch điện tử, Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ nêu trên và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tổng cục Thuế trả lời để Văn phòng đại diện Biopharm Chemicals Co.,Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (Vụ ĐMDN);
- Thứ trưởng Trần Xuân Hà (để báo cáo);
- Phó Tổng cục trưởng Phi Văn Tuấn (để báo cáo);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Vụ PC, Cục THTK (BTC);
- Các Vụ/đơn vị: DNNVV, CNTT, PC (TCT);
- Lưu: VT, KK_{3b-4p}

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI VÀ KẾ TOÁN THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



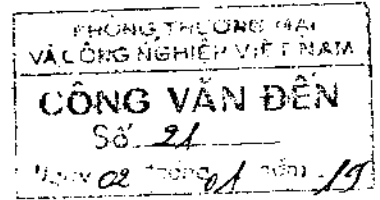
Nguyễn Thị Thu Phương

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16681 /BTC-CST
V/v kinh phí tiết kiệm được từ nguồn
thu phí được trích để lại sử dụng

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2018



Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

VP Tổng hợp
Nguyen
21/12/2018

Phục đáp công văn số 12330/VPCP-ĐMDN ngày 19/12/2018 của Văn phòng Chính phủ về chuyên kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi về kinh phí tiết kiệm được từ nguồn thu phí được trích để lại sử dụng, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Sau khi nhận được công văn số 3191/SGTVT-KHTC ngày 16/11/2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi; căn cứ quy định pháp luật phí, lệ phí, Bộ Tài chính đã có công văn số 15662/BTC-CST ngày 17/12/2018 trả lời Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi (bản photocopy gửi kèm).

Kính chuyển Văn phòng Chính phủ biết./ *lin*

Nơi nhận: *lin*

- Như trên;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; ✓
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, CST (CST5). 6



Số: 15662/BTC-CST
V/v quản lý và sử dụng phí

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi

Trả lời công văn số 3191/SGTVT-KHTC ngày 16/11/2018 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi đề nghị hướng dẫn về quản lý và sử dụng phí, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định:

2. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định này được chi dùng cho các nội dung sau đây:

a) Chi thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):

b) Chi không thực hiện chế độ tự chủ (đối với cơ quan nhà nước), chi nhiệm vụ không thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập):....

....

4. Số tiền phí để lại cho tổ chức thu phí chi cho các nội dung tại khoản 2 Điều này, đối với cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tại Điều 5 Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước quy định: *Kinh phí quản lý hành chính giao cho cơ quan thực hiện chế độ tự chủ từ các nguồn phí được để lại theo chế độ quy định.*

Tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP quy định: *1. Kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm:...*

Căn cứ quy định trên, tiền phí được để lại là nguồn tài chính của đơn vị, kết thúc năm ngân sách, sau khi hoàn thành các nhiệm vụ được giao, cơ quan thực

hiện chế độ tự chủ (Sở GTVT) có số chi thực tế thấp hơn số dự toán được giao về kinh phí thực hiện chế độ tự chủ thì phần chênh lệch này được xác định là kinh phí tiết kiệm được theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP.

Bộ Tài chính trả lời đề Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi biết và thực hiện./.

Nơi nhận: *ky*

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các Vụ: PC, NSNN;
- Lưu: VT, CST (CST5). *7*

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Vũ Khắc Liêm

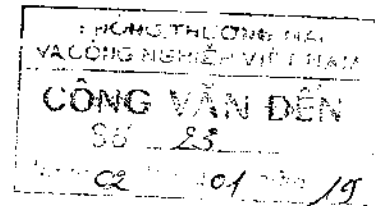
BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *16351*/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày *27* tháng 12 năm 2018

V/v mua xe ô tô chuyên dụng chiếu phim lưu động theo đề nghị của Ông Vũ Hồ Quang, địa chỉ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang



Ưtổng hợp

Kính gửi: Ông Vũ Hồ Quang.
(địa chỉ: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang)

NKL

2/1/2019

Bộ Tài chính nhận được Công văn số 11670/VPCP-ĐMDN ngày 29/11/2018 của Văn phòng Chính phủ chuyên kiến nghị của Ông Vũ Hồ Quang, địa chỉ tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang về việc mua xe ô tô chuyên dụng chiếu phim lưu động. Về vấn đề này; Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8736/VPCP-KTTH ngày 13/9/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc mua xe ô tô phục vụ công tác năm 2018; Bộ Tài chính đã có Công văn số 12008/BTC-QLCS ngày 02/10/2018 hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương về việc mua xe ô tô phục vụ công tác năm 2018; theo đó, tại Điểm 1, Điểm 2 Công văn số 12008/BTC-QLCS:

“1. Đối với trường hợp việc mua sắm xe ô tô chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo phù hợp với quy định về tiêu chuẩn, định mức đã quy định trước ngày 01/01/2018 (Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ) mà các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã thực hiện một hoặc một số thủ tục để lựa chọn nhà cung cấp theo quy định của pháp luật như: phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu; đăng thông báo mời thầu; đóng thầu, mở thầu; phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; thương thảo và ký kết hợp đồng trước ngày 01/01/2018 thì được tiếp tục thực hiện các thủ tục mua sắm theo quy định của pháp luật.

“2. Đối với các trường hợp không thuộc phạm vi Điểm 1 Công văn này, tiếp tục tạm dừng việc mua sắm theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Công văn số 1248/VPCP-KTTH ngày 02/02/2018 và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 2850/BTC-QLCS ngày 14/3/2018, Công văn số 3515/BTC-QLCS ngày 28/3/2018 cho đến khi Nghị định quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được Chính phủ ban hành và có hiệu lực thi hành.”

Do vậy, đối với việc thực hiện mua sắm xe ô tô chuyên dùng (01 Xe ô tô chuyên dùng chiếu phim lưu động) theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Chính sách đặc thù hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động tuyên truyền,

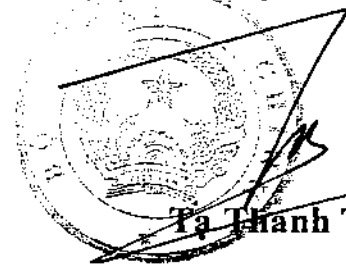
phổ biến phim tới vùng sau, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn”, trong đó kinh phí mua xe ô tô được bố trí từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách tỉnh Bắc Giang của Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang theo đề nghị của Ông Vũ Hồ Quang phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8736/VPCP-KTTH ngày 13/9/2018 của Văn phòng Chính phủ, hướng dẫn tại Công văn số 12008/BTC-QLCS ngày 02/10/2018 của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính trả lời đề Ông Vũ Hồ Quang được biết. / *ph*

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Các Vụ: NSNN; PC;
- Lưu VT, QLCS. (11)

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN
PHÓ CỤC TRƯỞNG



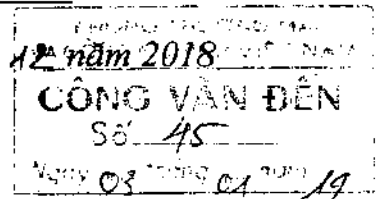
Tạ Thanh Tú

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5414 /TCT-CS
V/v giải đáp chính sách tiền
thuê đất.

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2018



Kính gửi: Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn
3/1/2019
Tổng cục Thuế nhận được công văn số 11539/VPCP-ĐMDN ngày 26/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về kiến nghị của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – thành phố Hồ Chí Minh và công văn số 6386/CT-KTTĐ ngày 02/7/2018 Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh về chính sách tiền thuê đất. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước quy định:

“Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước

8. Sửa đổi, bổ sung Khoản 11 và bổ sung Khoản 13, Khoản 14, Khoản 15, Khoản 16, Khoản 17 Điều 31 như sau:

17. Trường hợp được Nhà nước cho thuê đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp có ghi cụ thể mức ưu đãi miễn, giảm tiền thuê đất mà mức này đã được xác định đúng quy định của pháp luật về đầu tư; hoặc không ghi cụ thể mức miễn, giảm tiền thuê đất hoặc không thuộc trường hợp phải cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy phép đầu tư nhưng thuộc đối tượng và đáp ứng đủ các điều kiện để được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định pháp luật tại thời điểm được Nhà nước cho thuê đất nhưng người thuê đất chậm làm thủ tục để được miễn, giảm thì nay tiếp tục được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm được Nhà nước cho thuê đất, người thuê đất phải nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, quá thời hạn này người thuê đất mới nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất thì chỉ được xét miễn, giảm tiền thuê đất cho thời gian miễn, giảm tiền thuê đất còn lại (nếu có) tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định.

...”

- Tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 15 và Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 quy định:

“Điều 15. Điều kiện ưu đãi đầu tư

Dự án đầu tư đáp ứng một trong các điều kiện sau đây được ưu đãi đầu tư:

1. Đầu tư vào các ngành, nghề quy định tại Danh mục A phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Dự án đầu tư thuộc mọi lĩnh vực, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, có sử dụng số lao động bình quân trong năm ít nhất là:

a) Ở đô thị loại 1 và loại 2: 100 người;

Điều 18. Miễn, giảm tiền thuê đất

1. Nhà đầu tư có dự án đầu tư quy định tại Điều 15 của Nghị định này được miễn nộp tiền thuê đất, kể từ khi ký hợp đồng thuê đất như sau:

a) Được miễn ba năm đối với dự án đáp ứng một điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này;

b) Được miễn sáu năm đối với dự án đáp ứng đủ hai điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định này.”

- Tại Mục III, Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) quy định:

“Các dự án đầu tư vào các ngành, nghề trong từng lĩnh vực sau đây được hưởng ưu đãi:

III- Sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu

Sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cho xuất khẩu đạt giá trị trên 30% giá trị hàng hóa, dịch vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.”

- Tại công văn số 345/TC/TCDN ngày 09/1/2004 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi tiền thuê đất đối với doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP hướng dẫn:

“Đối với các Công ty cổ phần được thành lập từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần, nếu đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10 thì vẫn tiếp tục được hưởng các ưu đãi đầu tư theo mức quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP (đối với doanh nghiệp không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư) và mức xác định tại giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư) và mức xác định tại giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với doanh nghiệp đã được cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư) cho thời gian còn lại.”

Theo trình bày của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 6386/CT-KTTĐ ngày 02/7/2018 và hồ sơ gửi kèm, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 11/1/2002 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty xuất nhập khẩu thủy đặc sản thành Công ty cổ phần, Công ty được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho thuê đất theo Quyết định số 2104/QĐ-UB ngày 04/6/2003 về việc cho Công ty cổ phần thủy đặc sản thuê tại phường 19, quận Tân Bình để làm nhà xưởng sản xuất và chế biến thủy sản; Quyết định số

1586/QĐ-UB ngày 11/4/2005 về việc cho Công ty thuê đất tại 213 đường Hòa Bình, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú (sau khi Công ty đã cổ phần hóa).

Căn cứ quy định nêu trên, đề nghị Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh rà soát hồ sơ cụ thể của Đơn vị để thực hiện:

- Đối với thửa đất được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho thuê theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, nếu Đơn vị đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 15 Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ và nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền thuê đất cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đồng thời, Đơn vị làm thủ tục miễn, giảm tiền thuê đất trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì thuộc đối tượng được xem xét miễn tiền thuê đất theo hướng dẫn tại công văn số 345/TC/TCDN ngày 09/01/2004 của Bộ Tài chính và Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên.

- Đối với thửa đất được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cho thuê (sau khi Công ty đã cổ phần hóa), việc xem xét miễn, giảm tiền thuê đất thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 3 Nghị định số 135/2016/NĐ-CP của Chính phủ nêu trên.

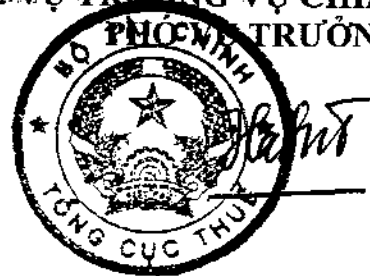
Tổng cục Thuế trả lời để Cục Thuế được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ ĐMDN (VPCP) (để b/c);
- Phó TCTr Cao Anh Tuấn (để b/c);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (để tổng hợp);
- Vụ PC, Vụ CST, Cục QLCS (BTC);
- Vụ PC (TCT);
- Lưu: VT, CS (3b)

12

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
TRƯỞNG



Hoàng Thị Hà Giang